TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 02/03/2018.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc
Bà Vũ Thị Hảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Thanh Th, sinh năm 1983.
Địa chỉ: số 897/56B Trần Hưng Đạo, phường 1, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Lê Trọng T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: 242D tổ 5, ấp 3, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Th có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2017, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lâm Thị Thanh Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trọng T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 1, quận X, thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 134 ngày 10/10/2002.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi nhậu, về xúc phạm vợ và đánh vợ. Tuy nhiên, do muốn con cái có cha, có mẹ nên anh chị đã hàn gắn tình cảm để về chung sống với nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng sau đó vẫn không có thay đổi, mâu thuẫn vẫn trầm trọng cho nên đến tháng 4/2017 thì anh chị quyết định sống ly thân với nhau. Sau khi sống ly thân thì chị với anh T không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm, anh T cũng không quan tâm đến vợ con nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Trọng T.

Về con chung: 02 con chung tên Lê Trọng B, sinh ngày 11/9/2002 và Lê Thanh Tr, sinh ngày 21/03/2011 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm tiếp thị vật liệu xây dựng với mức lương 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Trọng T đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T tham gia các buổi làm việc, phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của anh T để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Thanh Th.

Về nuôi con chung: Đề nghị giao con chung là Lê Trọng B, sinh ngày 11/9/2002 và Lê Thanh Tr, sinh ngày 21/03/2011 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lâm Thị Thanh Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trọng T và tranh chấp về nuôi con, đồng thời anh Lê Trọng T có hộ khẩu thường trú tại 242D tổ 5, ấp 3, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Qua xác minh tại Công an xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai, cũng thể hiện anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên. Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, và các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Anh Lê Trọng T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập và tống đạt giấy triệu tập, văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải các bên đương sự được. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Thanh Th và anh Lê Trọng T có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 1, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 134 ngày 10/10/2002, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Th thì chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi nhậu, về nhà thì xúc phạm vợ và còn đánh chị. Tuy nhiên, chị không muốn con cái không có cha, có mẹ nên chị và anh đã có gắng hàn gắn tình cảm về chung sống với nhau. Tuy nhiên, thời gian sau đó anh T vẫn không thay đổi nên tình cảm vợ chồng chị vẫn không có thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cho nên đến tháng 04/2017 thì anh chị quyết định sống ly thân với nhau. Từ khi sống ly thân thì chị với anh T không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm, anh T cũng không quan tâm đến vợ con nữa.

Về phần anh T thì Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh T để làm việc, hòa giải đoàn tụ, cũng như để anh T có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị Th nhưng anh T không lên Tòa để làm việc, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ anh T không còn quan tâm đến chị Th, cũng như không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh vào ngày 21/12/2017, ông Lê Trọng L là cha của anh Lê Trọng T cung cấp về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị Th là do khó khăn về kinh tế, chị Th lo cho phía gia đình chị Th nhiều hơn dẫn đến chị Th, anh T thường xuyên cải vả nhau. Đến nay, cả anh T, chị Th đều đã có người khác và sống ly thân với nhau.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị Th, anh T có đã có nhiều mâu thuẫn, không còn sự tin tưởng, tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3]. Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Th, anh T có 02 con chung tên Lê Trọng B, sinh ngày 11/9/2002 và Lê Thanh Tr, sinh ngày 21/03/2011 hiện đang sống với chị Th. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo tài liệu chứng cứ thì từ khi sống ly thân, chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và thu nhập hàng tháng của chị Th khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Cháu Lê Trọng B cũng có nguyện vọng được sống với chị Th. Đối với anh T, Tòa án cũng đã yêu cầu anh T có ý kiến về việc giải quyết con chung nhưng anh T không văn bản trả lời. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, tránh gây xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu B và cháu Tr, cần giao con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về chia tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lâm Thị Thanh Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Vĩnh Cửu phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Thanh Th được ly hôn với anh Lê Trọng T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu 02 con chung tên Lê Trọng B, sinh ngày 11/9/2002 và Lê Thanh Tr, sinh ngày 21/03/2011 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Lê Trọng T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lâm Thị Thanh Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000740 ngày 16/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND H. Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS H. Vĩnh Cửu;
- UBND phường 1, quận X, TP. HCM;
- Lưu (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đức